

Số: /HD-BTV

Hải Phòng, ngày tháng 7 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung tiêu chí 6.4.

Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Hướng dẫn số 53/HD-ĐCT ngày 11/5/2026 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về thực hiện nội dung tiêu chí 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ văn bản số 5580/VP-VX ngày 19/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố “V/v thực hiện nội dung tiêu chí 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030”; Hội LHPN thành phố đã có văn bản số 279/BTV-BCTPN ngày 3/7/2026 xin ý kiến sở, ngành, Ủy ban cấp xã (79 đơn vị), đã nhận được 5 ý kiến tham gia trong đó 5/5 ý kiến nhất trí, 1 ý kiến tham gia bổ sung, Hội LHPN thành phố đã tổng hợp vào văn bản.

Căn cứ Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Ban Thường vụ Hội LHPN thành phố xây dựng hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này quy định nội dung, phương pháp đánh giá, công nhận đạt và tổ chức thực hiện tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi tắt là tiêu chí 6.4).

2. Đối tượng áp dụng:

- Ủy ban nhân dân xã, đặc khu, phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với

tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêu chí 6.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, đặc khu, phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 (sau đây gọi tắt là Hội LHPN cấp xã).

- Hộ gia đình, hội viên phụ nữ, phụ nữ và cộng đồng dân cư.

II. Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí và yêu cầu để đạt tiêu chí 6.4

1. Tỷ lệ cụ thể đối với từng tiêu chuẩn

Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện	Yêu cầu thực hiện	
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2
1.Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không”			
1.1. Không nghèo	Hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo đa chiều	≥ 99%	≥98,8%
1.2. Không bạo lực	Không có thành viên trong gia đình thực hiện hành vi bạo lực gia đình dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.	≥93%	≥90%
1.3. Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội	Không có thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; không có thành viên vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội theo quy định.	≥90%	≥87%
1.4. Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học	Gia đình có trẻ em trong độ tuổi đi học không để xảy ra tình trạng bỏ học.	≥95%	≥92%
	Trẻ em (từ 0 đến 5 tuổi) trong gia đình không bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi hoặc thừa cân, béo phì theo quy định của ngành y tế.	≥90%	≥85%
1.5. Không lãng phí	Gia đình thực hiện chi tiêu phù hợp với điều kiện kinh tế; thực hành tiết kiệm trong sử dụng điện, nước, thực phẩm và các nguồn lực phục vụ sinh hoạt hằng ngày.	≥95%	≥90%

2. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chí “3 sạch”			
2.1. Sạch nhà	Được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥95%	≥90%
	Có nhà tiêu hợp vệ sinh theo hướng dẫn của ngành y tế.	≥95%	≥90%
	Thực hiện phân loại rác tại nguồn.	≥85%	≥80%
2.2. Sạch bếp	Gia đình có nơi chế biến, nấu ăn sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh; thực phẩm được lựa chọn, sử dụng và bảo quản bảo đảm an toàn, hợp vệ sinh.	≥ 95%	≥90%
2.3. Sạch ngõ	Thực hiện thu gom, xử lý rác thải đúng quy định; không để phát sinh ô nhiễm môi trường xung quanh nơi ở	≥95%	≥90%
3. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 an”			
3.1. An toàn	Gia đình có nhà ở kiên cố phù hợp điều kiện thực tế; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong gia đình như phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, phòng ngừa tai nạn, thương tích, phòng, chống thiên tai và an toàn trên không gian mạng.	≥95%	≥85%
3.2. An tâm	Gia đình hòa thuận; các thành viên được tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau; có ý thức thực hành hệ giá trị gia đình Việt Nam; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, địa phương và có trách nhiệm xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.	≥95%	≥90%
3.3. An sinh	- Các thành viên trong gia đình được bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống; chăm sóc sức khỏe, tham gia bảo hiểm y tế theo quy định và tiếp cận các chính sách an sinh xã hội phù hợp; - Phụ nữ mang thai, trẻ em, người cao tuổi và các thành viên thuộc nhóm dễ bị tổn thương được quan tâm, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ kịp thời.	≥95%	≥90%

2. Phương pháp xác định tỷ lệ

- Việc đánh giá được thực hiện đối với từng tiêu chuẩn thuộc tiêu chí 6.4.

- Tỷ lệ hộ đạt từng tiêu chuẩn được xác định bằng tổng số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn đó trên tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã tại thời điểm đánh giá.

- Công thức xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ đạt tiêu chuẩn}}{\text{Tổng số hộ trên địa bàn xã}} \times 100$$

- Xã được công nhận đạt tiêu chí 6.4 khi đều đạt **11 tiêu chuẩn** ở mức tỷ lệ tối thiểu trở lên đối với nhóm xã tương ứng theo hướng dẫn.

3. Hồ sơ minh chứng, đánh giá

- Phiếu tự rà soát, đánh giá hộ gia đình (do gia đình thực hiện); biên bản họp bình xét, thống nhất kết quả tại thôn, xã (làm cơ sở tổng hợp); biểu tổng hợp kết quả đạt tiêu chuẩn do Hội LHPN xã phối hợp với UBND cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá, tổng hợp và trình UBND cấp xã xác nhận.

- Kế hoạch của UBND xã về thực hiện nội dung tiêu chí 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể phối hợp triển khai.

- Các tài liệu, số liệu của địa phương để đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện các tiêu chí như: bản tự đánh giá của hộ gia đình, danh sách hộ nghèo, cận nghèo; số liệu về giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế; nước sạch, vệ sinh môi trường; an ninh, trật tự và các nội dung có liên quan khác. Không yêu cầu hộ gia đình cung cấp hồ sơ, giấy tờ riêng lẻ cho từng tiêu chí; đối với các nội dung đã có trong hệ thống quản lý, rà soát, thống kê của địa phương thì sử dụng để đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, biểu mẫu điện tử và cơ sở dữ liệu dùng chung trong tổng hợp, quản lý, theo dõi kết quả thực hiện.

III. Tổ chức thực hiện

1. Hội LHPN thành phố

- Ban hành Hướng dẫn và các tài liệu cần thiết để triển khai thực hiện thống nhất nội dung tiêu chí 6.4 trong toàn thành phố.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, cơ quan liên quan trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; theo dõi, tổng hợp, cập nhật tình hình triển khai; định kỳ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Huy động, điều phối, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 gắn với Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”.

- Tổ chức triển khai các hoạt động cấp Thành phố.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 trên địa bàn; cụ thể hóa nội dung, giải pháp, lộ trình thực hiện phù hợp với

điều kiện thực tế của địa phương; bố trí, phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách thực hiện Chương trình và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

- Phân công và chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép nội dung tiêu chí 6.4 trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án có liên quan trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và khi kết thúc giai đoạn 05 năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí 6.4 gửi Hội LHPN thành phố và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 phù hợp với tình hình thực tế của từng nhóm xã, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

- Tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt; lồng ghép hoạt động, nguồn lực, địa bàn và đối tượng thụ hưởng với các chương trình, đề án được giao thực hiện để bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất về Hội LHPN thành phố theo quy định.

- Triển khai có hiệu quả các nội dung được phân công; phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện; đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện để báo cáo theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã quan tâm chỉ đạo; Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã và các đơn vị liên quan tham mưu tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Thông tin chi tiết liên hệ: Đ/c Chu Kiều Trang, Chuyên viên Ban Công tác Phụ nữ. SĐT/Zalo: 0973.138.881/.

(Kèm theo Hướng dẫn các biểu mẫu rà soát, đánh giá, tổng hợp tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”).

Nơi nhận:

- Hội LHPN VN;
- UBND thành phố;
- TT UBMTTQVN TP;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an TP (để phối hợp);
- TT Hội LHPN TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Hội LHPN các xã, phường, đặc khu;
- Lưu VT, BCTPN.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Trần Thu Hương

